Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 46

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ THỌ VĂN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 32	Giáp địa giới hành chính xã Vạn Xuân	Giáp địa giới hành chính xã Thanh Sơn	5.500	3.000	2.200	2.200	1.200	900	1.700	900	700
2	Đường tỉnh 315C	Ngã ba tiếp giáp Quốc lộ 32	Giáp địa giới hành chính xã Vạn Xuân	800	500	300	550	300	200	400	200	100
3	Đường tỉnh 316M	Giáp xã Tam Nông	Cầu Đình Chua	1.400	800	600	750	400	300	530	300	200
4		Cầu Đình Chua	Đường rẽ xã Tam Nông	1.600	900	600	800	400	300	600	300	200
5		Đường rẽ xã Tam Nông	Hết Trường THCS Dị Nậu	2.800	1.500	1.100	1.600	800	600	1.150	600	500
6		Giáp Trường THCS Dị Nậu	Địa giới Dị Nậu - Đào Xá	1.100	600	400	600	300	200	500	200	100
7	Đường huyện số 73D	Tiếp giáp Quốc lộ 32 (xã Thanh Sơn)	Chùa Tân Phúc	1.400	800	600	600	300	200	500	200	100
8		Chùa Tân Phúc	Tiếp giáp đường tỉnh 315C	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100
9	Đường huyện số 73E	Giáp địa giới hành chính xã Vạn Xuân	Tiếp giáp huyện lộ 74 (nhánh 1)	1.000	600	400	400	200	100	300	200	100
10		Chùa Tân Phúc	Hết trường Mầm Non khu B (nhánh 2)	1.000	600	400	400	200	100	300	200	100
11	Đường huyện số 74	Cống Đồng Giang - xã Thanh Sơn	Giáp địa giới hành chính xã Vạn Xuân (nhánh 1)	1.000	600	400	400	200	100	300	200	100
12		Ngã 3 Sân Sạn	Tiếp giáp nhánh 1 đường huyện 73E (nhánh 2)	1.000	600	400	400	200	100	300	200	100
13		Tiếp giáp nhánh 1 đường huyện 73E	Địa giới hành chính xã Vạn Xuân	1.000	600	400	400	200	100	300	200	100
14	Đường huyện số 75	Điểm đầu nối với đường tỉnh 316M	Trường THCS Thọ Văn	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
15		Giáp trường THCS Thọ Văn	Cây Đa khu 6	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
16		Cây Đa khu 6	Quốc lộ 32	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
17		Đường giao thông nông thôn Thọ Văn - Vạn Xuân (đoạn thuộc địa giới hành chính xã Thọ Văn)		3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
18	Đường huyện số 77	Ngã 3 Đình Dộc	Hết địa phận địa giới xã Tam Nông	1.100	610	440	600	330	240	450	250	180
19	Đất ở hai bên đường giao thông trục chính nội xã			700	390	280	400	210	150	290	160	120
*	**Khu đấu giá, tái định cư**											
20	Khu đấu giá khu 4, xã Thọ Văn			5.000			2.500			2.000		
21	Khu đấu giá khu 1	Băng 1: Tiếp giáp đường ĐH 75		5.000			2.500			2.000		
22		Các băng còn lại		3.600			1.500			1.200		
23	Khu tái định cư khu đô thị Tam Nông			3.600			1.400			1.100		
24	Xây dựng hạ tầng đấu giá đất ở khu vực Đồng Vù (Dị Nậu cũ)	Băng 1		5.000			2.000			800		
25		Băng còn lại		4.800			1.900			1.400		
26	Xây dựng hạ tầng đấu giá đất ở khu vực Đồng Nước (Dị Nậu cũ)	Băng 1		5.000			2.000			800		
27		Băng còn lại		4.800			1.900			1.400		
28	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSDĐ khu Cánh Buồm tại khu 9 xã Thọ Văn cũ	Băng 1		5.000			2.000			800		
29		Băng còn lại		3.500			1.900			1.400		
30	Đấu giá QSDĐ khu 2	Băng 1		6.000			2.400			1.800		
31		Băng còn lại		4.800			1.900			1.400		
32	Đấu giá QSDĐ tại khu vực trường Tiểu học Thọ Văn cũ Khu 9			3.600			1.400			1.100		
33	Đấu giá QSDĐ nhà văn hóa khu 2			3.600			1.400			1.100		
34	Đấu giá QSDĐ nhà văn hóa khu 3			6.000			2.400			1.800		
35	Đấu giá QSDĐ nhà văn hóa khu 6			2.500			1.000			400		
36	Vị trí đấu giá QSDĐ khu 6, xã Tề Lễ cũ			3.500			1.400			1.100		
37	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			700			310			230		